

# MA TRẬN MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 CHK1

## NĂM HỌC: 2022-2023

| Tên các nội dung                                                                             | Chủ đề, mạch kiến thức                                                                                                                            |         | Mức 1 |     | Mức 2 |     | Mức 3 |     | Tổng    |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|-----|-------|-----|-------|-----|---------|-----|
|                                                                                              |                                                                                                                                                   |         | TN    | TL  | TN    | TL  | TN    | TL  | TN      | TL  |
| I. Đọc thành tiếng kết hợp nghe nói                                                          |                                                                                                                                                   |         |       |     |       |     |       |     |         |     |
|                                                                                              | Chọn mỗi bài đọc khoảng 60-65 chữ và 1 câu hỏi ngoài SGK                                                                                          | Số điểm | 1.5   | 1   | 1.0   |     | 0.5   |     | 4       |     |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   |         |       |     |       |     |       |     |         |     |
| II. Đọc hiểu kết hợp kiến thức Tiếng Việt: - Đọc 1 bài văn ngoài chương trình sách giáo khoa |                                                                                                                                                   |         |       |     |       |     |       |     |         |     |
| Đọc hiểu văn bản                                                                             | Chọn 1 văn bản ngoài SGK. Đọc thầm bài hiểu và trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài.                                                   | Số câu  | 2     |     | 2     |     |       | 2   | 4       | 2   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Câu số  | 1,2   |     | 3,4   |     |       | 5,6 | 1,2,3,4 | 5,6 |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Số điểm | 1.0   |     | 1.0   |     |       | 2.0 | 2.0     | 2.0 |
| Kiến thức Tiếng Việt                                                                         | - Nhận biết các kiểu câu :câu kể, câu hỏi,,câu cảm, câu khiến                                                                                     | Số câu  | 1     |     |       |     |       |     | 1       |     |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Câu số  | 7     |     |       |     |       |     | 7       |     |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Số điểm | 0.5   |     |       |     |       |     | 0.5     |     |
|                                                                                              | - Từ chỉ đặc điểm, hoạt động , từ trái nghĩa                                                                                                      | Số câu  |       |     |       |     |       | 1   |         | 1   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Câu số  |       |     |       |     |       | 8   |         | 8   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Số điểm |       |     |       |     |       | 0.5 |         | 0.5 |
|                                                                                              | - Đặt câu có hình ảnh so sánh theo chủ đề                                                                                                         | Số câu  |       |     |       |     |       | 1   |         | 1   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Câu số  |       |     |       |     |       | 9   |         | 9   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Số điểm |       |     |       |     |       | 1.0 |         | 1.0 |
| Tổng                                                                                         |                                                                                                                                                   | Số câu  | 3     | 1   | 3     |     | 1     | 2   | 7       | 3   |
|                                                                                              |                                                                                                                                                   | Số điểm | 3.0   | 1.0 | 2.0   |     | 0.5   | 3.5 | 5.5     | 4.5 |
| III. Chính tả                                                                                | Nghe viết 1 đoạn văn khoảng 60 -65 chữ ngoài SGK.                                                                                                 | Số điểm |       | 2.0 |       | 2.0 |       |     |         | 4.0 |
| IV. Tập làm văn                                                                              | Viết một đoạn văn ngắn từ 4– 5 câu. ( Giới thiệu về bản thân, Cảm xúc của em về một người thân, tả về một đồ vật, một người em yêu mến ở trường ) | Số điểm |       | 2.0 |       | 2.0 |       | 2.0 |         | 6.0 |

|      |         |     |     |     |     |     |     |      |      |
|------|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|
| Tổng | Số câu  |     |     |     |     |     |     |      |      |
|      | Số điểm |     | 4.0 |     | 4.0 |     | 2.0 |      | 10.0 |
|      |         | 40% |     | 30% |     | 30% |     | 100% |      |

|                                                                                                                                        |                                                |               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------|
| PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I<br>NĂM HỌC: 2022-2023<br>Môn: Tiếng Việt (đọc hiểu)<br>Thời gian:.....phút<br>Ngày kiểm tra: .../.../2022 | Họ và tên:<br>.....<br>Lớp ... Trường TH ..... | Giáo viên coi |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------|

✂ .....

| Điểm | Lời nhận xét | Giáo viên chấm |
|------|--------------|----------------|
|      |              |                |

## I. ĐỌC THĂM:

### Khỉ con biết vâng lời

Một buổi sáng, Khỉ mẹ dẫn Khỉ con xuống núi đi hái trái cây. Khỉ con mang giỏ trên lưng, rong chơi trên đường đi và quên mất lời mẹ dặn. Khỉ con thấy Thỏ con đang đuổi bắt Chuồn Chuồn. Khỉ con cũng muốn rong chơi nên cùng Thỏ chạy đuổi theo Chuồn Chuồn. Đến chiều về tới nhà, Khỉ con không mang được trái cây nào về nhà cho mẹ cả. Mẹ buồn lắm, mẹ nói với Khỉ con:

- Mẹ thấy buồn khi con không nghe lời mẹ dặn. Bây giờ trong nhà không có cái gì ăn cả là tại vì con mãi chơi, không đi tìm trái cây.

Khỉ con biết lỗi, cúi đầu xin lỗi mẹ. Mẹ cõng Khỉ con trên lưng đi tìm trái cây ăn cho bữa tối. Một hôm, mẹ bị trượt chân ngã, đau quá không đi kiếm ăn được. Mẹ nói với Khỉ con:

- Mẹ bị đau chân, đi không được. Con tự mình đi kiếm trái cây để ăn nhé!

Khỉ con nghe lời mẹ dặn, mang giỏ trên lưng và chạy xuống núi đi tìm trái cây. Trên đường đi, Khỉ con thấy bấp bèn bẻ bắp, thấy chuối bèn bẻ chuối và khi thấy Thỏ con đang đuổi bắt Chuồn Chuồn, Khỉ bèn tự nhủ: “Mình không nên ham chơi, về nhà kéo mẹ mong”.

Và thế là Khỉ con đi về nhà. Mẹ thấy Khỉ con về với thật nhiều trái cây thì mừng lắm. Mẹ khen:

- Khỉ con biết nghe lời mẹ, thật là đáng yêu!

(Vân Nhi)

## II. Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng câu 1, 2, 3, 4, 7 và trả lời các câu hỏi sau:

**Câu 1.** Khỉ mẹ dẫn Khỉ con xuống núi làm công việc gì? (M1) **(0.5 đ)**

- A. Đi hái trái cây.
- B. Đi học cùng Thỏ con.
- C. Đi săn bắt.

**Câu 2.** Khỉ con cùng ai chạy đuổi theo Chuồn Chuồn? (M1) **(0.5 đ)**

- A. Thỏ mẹ.
- B. Thỏ con.
- C. Khi mẹ.

**Câu 3.** Sắp xếp thứ tự câu theo trình tự nội dung bài đọc: (M2) **(0.5 đ)**

1. Khi con cùng Thỏ chạy đuổi bắt Chuồn Chuồn.
2. Khi con biết lỗi, cúi đầu xin lỗi mẹ.
3. Khi con khiến mẹ buồn vì không mang được trái cây nào về nhà.

- A. 3 – 1 – 2
- B. 1 – 3 – 2
- C. 2 – 1 – 3

**Câu 4.** Vì sao Khi con phải tự mình đi kiếm trái cây? (M2) **(0.5 đ)**

- A. Vì Khi con muốn chuộc lỗi với mẹ.
- B. Vì Khi mẹ muốn Khi con nhận ra lỗi lầm của mình.
- C. Vì Khi mẹ đau chân vì bị trượt chân ngã.

**Câu 5.** Điều gì khiến Khi con được mẹ khen? (M3) **(1.0 đ)**

**Câu 6.** Qua câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (M3) **(1.0 đ)**

**Câu 7. Câu:** Khi con biết nghe lời mẹ, thật là đáng yêu! Là mẫu câu: (M1) **(0.5 đ)**

- a. Câu cảm?
- b. Câu kể?
- c. Câu hỏi?

**Câu 8.** Tìm 2 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau. (M3) **(0.5 đ)**

**Câu 9.** Đặt một câu có sử dụng hình ảnh so sánh nói về sự vật: (M3) **(1.0 đ)**

## **CHÍNH TẢ (Nghe – viết)**

### **Khi con biết vâng lời**

Khi mẹ dặn Khi con xuống núi đi hái trái cây. Khi con mang giỏ trên lưng, rong chơi trên đường đi và quên mất lời mẹ dặn. Khi con thấy Thỏ con đang đuổi bắt Chuồn Chuồn. Khi con cũng muốn rong chơi nên cùng Thỏ chạy đuổi theo Chuồn Chuồn. Đến chiều về tới nhà, Khi con không mang được trái cây nào.

## **TẬP LÀM VĂN**

Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 5 câu nêu tình cảm cảm xúc của em về một người thân.

### ĐÁP ÁN PHẦN ĐỌC HIỂU

| Câu           | 1            | 2            | 3            | 4            | 7            |
|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Đáp án</b> | <b>A</b>     | <b>B</b>     | <b>B</b>     | <b>C</b>     | <b>A</b>     |
| <b>Điểm</b>   | <b>0.5 đ</b> | <b>0.5 đ</b> | <b>0.5 đ</b> | <b>0.5 đ</b> | <b>0.5 đ</b> |

**Câu 5. (1.0 đ)**

Khỉ con được mẹ khen vì Khỉ con đã biết vâng lời mẹ, hái được giỏ đầy trái cây.

**Câu 6. (1.0 đ)**

Chúng ta nên ngoan ngoãn vâng lời bố mẹ dạy, không mãi chơi vì như vậy sẽ khiến bố mẹ của chúng ta buồn.

**Câu 8. (0.5 đ)**

Tìm 2 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.

Tùy vào HS tìm từ có nghĩa trái ngược nhau. (Mỗi cặp từ đúng **0,25 đ**)

**Câu 9. (1.0 đ)**

Đặt một câu có sử dụng hình ảnh so sánh nói về sự vật.

Tùy vào câu HS đặt. (Đầu câu không viết hoa hoặc cuối câu không có dấu chấm trừ **0,25 đ**)

## HƯỚNG DẪN CHẤM

### 1 Kiểm tra đọc (10 điểm):

#### **a. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (4 điểm):**

- HS đọc 1 đoạn văn trong SHDH.
- HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc
- Cách đánh giá, cho điểm:
  - + Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm
  - + Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm
  - + Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm
  - + Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

#### **b. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (thực hiện bằng bài viết trên phiếu-Thời gian từ 35 đến 40 phút) – 6 điểm:**

- Đọc hiểu văn bản: 4 điểm
- Kiến thức, kỹ năng tiếng Việt: 2 điểm

\* Lưu ý: Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nói,...) : 0,5 điểm; Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là ở mức 3): 1 điểm.

### 2 Bài kiểm tra viết (10 điểm):

#### **a. Kiểm tra viết chính tả (4 điểm):**

- Tốc độ đạt yêu cầu (theo chuẩn KTKN): 1 điểm
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 1 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp : 1 điểm.

(Mỗi lỗi sai trừ 0.2 điểm, trình bày cả bài trừ 0.5 đ)

#### **b. Kiểm tra viết đoạn, bài văn theo chuẩn KT,KN (6 điểm):**

- Nội dung (ý): 3 điểm
- Kỹ năng: 3 điểm
- + Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm
- + Điểm tối đa cho kỹ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm
- + Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm

(Bài viết đủ số câu, đúng yêu cầu đề bài, sai không quá 5 lỗi được 3 điểm)

(Bài viết đủ số câu, liên kết câu trong đoạn văn, chữ viết không sai từ 4 – 5 điểm)

(Bài viết có sử dụng hình ảnh so sánh, không sai lỗi chính tả đạt điểm tối đa 6 điểm)

**Đề 1**

**ĐÀ LẠT**

Ở Đà Lạt có rất nhiều hồ nước đẹp cùng với những khu vườn bạt ngàn hoa. Những thác nước cao vút tuôn trắng xóa mang vẻ đẹp kì ảo cũng là một điểm thu hút khách du lịch ở nơi đây.

Những du khách đến đây rất thích được cưỡi ngựa vòng quanh hồ Xuân Hương hay thưởng thức những bó hoa tươi.

Câu hỏi: Những du khách đến đây rất thích gì?

**Đề 2**

**CON HEO ĐẤT**

Tôi đang mong bố mua cho tôi một con rô bốt. Nhưng bố lại mang về một con heo đất. Bố chỉ vào cái khe trên lưng nó, bảo:

- Con cho heo ăn nhé! Con lớn rồi, nên học cách tiết kiệm.

Từ đó, mỗi lần bố mẹ cho tiền ăn quà, mua sách, có chút tiền lẻ thừa ra, tôi lại được gửi heo.

Câu hỏi: Bạn nhỏ mong bố mẹ mua cho đồ chơi gì?

**Đề 3**

**NHÀ RÔNG**

Đến Tây Nguyên, từ xa nhìn vào các buôn làng, ta dễ nhận ra ngôi nhà rông có đôi mái dựng đứng, vươn cao lên trời như một cái lưỡi rìu lật ngược. Nước mưa đổ xuống chảy xuôi tuôn tuột. Buôn làng nào có mái rông càng cao, nhà càng to, hẳn là nơi đó dân đông, làm ăn được mùa, cuộc sống no ấm.

Câu hỏi: Đặc điểm nổi bật về hình dạng của nhà rông ở Tây Nguyên là gì?

**Đề 4**

**CÁI RĂNG SƯ TỬ**

Trên cánh đồng rộng có một loài cây có những chiếc lá dài, xanh thẫm với những chiếc răng cưa nhọn hoắt như những chiếc răng nanh sư tử. Người ta gọi nó là cây răng sư tử. Tay nó ôm bông hoa có cánh vàng như nắng. Hạ đến bông hoa trút bỏ trăm cái đầu vàng óng chiếc áo màu nắng.

Câu hỏi: Người ta gọi nó là cây răng gì?